

Số: /KH-CTK

Ninh Bình, ngày tháng năm 2023

KẾ HOẠCH

Tổ chức, triển khai thực hiện Phương án Điều tra biến động dân số và kế hoạch hoá gia đình thời điểm 01/4/2023

Thực hiện Phương án Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình thời điểm 01/4/2023 ban hành kèm theo Quyết định số 276/QĐ-TCTK ngày 07/3/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Cục Thống kê Ninh Bình (sau đây viết gọn là Cục) xây dựng Kế hoạch tổ chức, triển khai thực hiện Phương án Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình thời điểm 01/4/2023 (sau đây viết gọn là Điều tra BĐDS 2023) trên địa bàn tỉnh gồm các nội dung sau:

A. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CUỘC ĐIỀU TRA

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐIỀU TRA

1. Mục đích điều tra

Điều tra BĐDS 2023 thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia được thực hiện nhằm mục đích:

- Thu thập thông tin về dân số và một số đặc trưng cơ bản của dân số; tình hình biến động dân số; mức độ sử dụng các biện pháp tránh thai và nạo, phá thai làm cơ sở để tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu về dân số và kế hoạch hóa gia đình và các chỉ tiêu dân số thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê; Hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN; Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam; Bộ chỉ tiêu thống kê về thanh niên Việt Nam; Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia;

- Phục vụ các cấp, các ngành đánh giá tình hình, hoạch định chính sách.

2. Yêu cầu điều tra

- Thực hiện điều tra đúng các nội dung quy định trong Phương án điều tra;
- Bảo mật thông tin thu thập từ các đối tượng điều tra theo quy định của Luật Thống kê;

- Quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc điều tra đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả;

- Kết quả điều tra phải đáp ứng yêu cầu của người dùng tin trong và ngoài tỉnh; đảm bảo tính so sánh quốc tế.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA

1. Phạm vi điều tra

Điều tra BDDS 2023 là cuộc điều tra chọn mẫu được tiến hành trên phạm vi cả nước. Tỉnh Ninh Bình được Tổng cục Thống kê chọn điều tra mẫu 120 địa bàn; trong đó: 38 địa bàn thành thị và 82 địa bàn nông thôn được chọn mẫu từ 104 xã, phường, thị trấn ở 8 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh (danh sách địa bàn điều tra theo Phụ lục đính kèm). Cụ thể như sau:

- Thành phố Ninh Bình: 22 địa bàn;
- Thành phố Tam Điệp: 10 địa bàn;
- Huyện Nho Quan: 16 địa bàn;
- Huyện Gia Viễn: 13 địa bàn;
- Huyện Hoa Lư: 9 địa bàn;
- Huyện Yên Khánh: 17 địa bàn;
- Huyện Kim Sơn: 20 địa bàn;
- Huyện Yên Mô: 13 địa bàn.

2. Đối tượng điều tra

Đối tượng điều tra là nhân khẩu thực tế thường trú (sau đây viết gọn là NKTTTT) của hộ dân cư (sau đây viết gọn là hộ), bao gồm cả những người thuộc lực lượng vũ trang là NKTTTT của hộ; không bao gồm những người thuộc lực lượng vũ trang cư trú trong các khu doanh trại.

3. Đơn vị điều tra

Đơn vị điều tra là các hộ dân cư. Hộ dân cư bao gồm một người ăn riêng, ở riêng hoặc một nhóm người ăn chung và ở chung, có thể có hay không có quỹ thu chi chung; có hoặc không có mối quan hệ ruột thịt, hôn nhân hay nuôi dưỡng.

III. Loại điều tra

Điều tra BDDS 2023 là điều tra chọn mẫu. Quy mô mẫu được phân bổ bảo đảm mức độ đại diện của các chỉ tiêu thống kê cho cấp tỉnh và phân tổ theo thành thị, nông thôn. Mẫu Điều tra BDDS 2023 gồm 4.800 hộ tại 120 địa bàn điều tra (sau đây viết gọn là ĐBĐT).

Mẫu Điều tra BDDS 2023 là mẫu phân tầng hai giai đoạn, được thiết kế như sau:

Giai đoạn 1 (chọn địa bàn mẫu): Tổng cục Thống kê thực hiện chọn ĐBĐT từ dàn mẫu chủ của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, được cập nhật trong Quý I/2023. Danh sách địa bàn của mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tạo thành một tầng chính và được chia thành hai tầng thứ cấp là thành thị và nông thôn. Chọn mẫu ĐBĐT riêng cho mỗi tầng theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống.

Giai đoạn 2 (chọn hộ): Tại các địa bàn điều tra đã được chọn ở Giai đoạn 1, Cục thực hiện rà soát, cập nhật danh sách toàn bộ các hộ của địa bàn. Từ danh sách cập nhật đó mỗi ĐBĐT chọn 40 hộ mẫu theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống để điều tra.

IV. THỜI ĐIỂM, THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA

1. Thời điểm điều tra

Thời điểm điều tra là 0 giờ ngày 01/4/2023.

2. Thời gian điều tra

Thời gian thu thập thông tin tại địa bàn là 20 ngày, bắt đầu từ ngày 01/4/2023 và kết thúc chậm nhất vào ngày 20/4/2023.

3. Phương pháp điều tra

Điều tra BĐDS 2023 áp dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp sử dụng phiếu điện tử được cài đặt trên thiết bị điện tử (máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh) của điều tra viên thống kê (sau đây viết gọn là ĐTV). ĐTV đến từng hộ để hỏi người cung cấp thông tin và nhập đầy đủ các câu trả lời vào phiếu điện tử.

4. Người cung cấp thông tin

Chủ hộ (hoặc người trưởng thành, đủ năng lực trả lời phỏng vấn khác trong hộ am hiểu về các thành viên trong hộ) là người cung cấp thông tin để xác định các NKTTTT của hộ và cung cấp thông tin liên quan đến các NKTTTT của hộ, các trường hợp chết theo quy định. Đối với những thông tin về thành viên hộ mà chủ hộ không nắm chắc, ĐTV cần phỏng vấn trực tiếp thành viên đó.

Riêng các thông tin về lịch sử sinh phải hỏi trực tiếp đối tượng điều tra là nữ từ 10 - 49 tuổi; các thông tin về kế hoạch hoá gia đình và sức khỏe sinh sản, phải hỏi trực tiếp đối tượng điều tra là nữ từ 15 - 49 tuổi.

V. NỘI DUNG VÀ PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Nội dung điều tra

Điều tra BĐDS 2023 thu thập các thông tin sau:

Phần 1: Thông tin về các thành viên trong hộ

- Đối với toàn bộ thành viên trong hộ: Họ và tên của từng thành viên; mối quan hệ với chủ hộ; giới tính; tháng, năm sinh hoặc tuổi tròn theo dương lịch; dân tộc;

- Đối với thành viên trong hộ dưới 5 tuổi: Tình trạng đăng ký khai sinh;

- Đối với thành viên trong hộ từ 1 tuổi trở lên: Nơi thực tế thường trú cách đây 1 năm, lý do chính chuyển đến hộ;

- Đối với thành viên trong hộ từ 5 tuổi trở lên: Tình trạng đi học hiện nay; trình độ giáo dục, đào tạo; bằng cấp, chứng chỉ nghề cao nhất đạt được; tình trạng biết chữ;

- Đối với thành viên trong hộ từ 15 tuổi trở lên: Tình trạng hôn nhân hiện tại; chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục.

Phần 2: Thông tin về lịch sử sinh của phụ nữ từ 10 - 49 tuổi, kế hoạch hoá gia đình và sức khỏe sinh sản của thành viên hộ là phụ nữ từ 15 - 49 tuổi

Thông tin về số con đã sinh, số con hiện còn sống, số con đã chết và thông tin về lần sinh gần nhất của phụ nữ từ 10 - 49 tuổi; tình hình sử dụng các biện pháp tránh thai, phá thai; tình hình tai biến sau khi hút thai hay nạo, phá thai của phụ nữ từ 15 - 49 tuổi.

Phần 3: Thông tin về thành viên của hộ đã chết

Thông tin về thành viên của hộ đã chết trong khoảng thời gian từ ngày Mùng 01 Tết Âm lịch năm Nhâm Dần (tức ngày 01/02/2022 dương lịch) đến hết ngày 31/3/2023 gồm: Số người chết, giới tính, tuổi, nguyên nhân chết, nơi chết.

2. Phiếu điều tra

Điều tra BDDS 2023 được thiết kế trên một loại phiếu điều tra để thu thập những thông tin đã được đề cập ở trên.

VI. BẢNG PHÂN LOẠI DANH MỤC SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA

Điều tra BDDS 2023 sử dụng 05 danh mục và bảng phân loại thống kê sau:

1. Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi đã được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm điều tra;
2. Danh mục giáo dục, đào tạo của Hệ thống giáo dục quốc dân ban hành theo Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ;
3. Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam ban hành theo Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ ngày 02/3/1979 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê;
4. Bảng chuyển đổi năm âm lịch sang năm dương lịch;
5. Bảng chuyển đổi trình độ văn hoá phổ thông.

VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ VÀ TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA

1. Quy trình xử lý thông tin

Sau khi hoàn thành thu thập thông tin của hộ điều tra cập nhật thông tin vào phiếu điện tử, ĐTV thực hiện đồng bộ dữ liệu về hệ thống máy chủ của Tổng cục Thống kê trong suốt quá trình điều tra;

Song song với quá trình điều tra, giám sát viên (sau đây viết gọn là GSV) các cấp thực hiện việc giám sát, kiểm tra thông tin, duyệt, nghiệm thu dữ liệu điều tra;

Kết thúc thời gian điều tra thực địa Cục giao Phòng Thống kê Xã hội chủ trì, các Phòng nghiệp vụ thuộc Cơ quan Cục (GSV cấp tỉnh) và Chi cục thống kê các huyện, khu vực (sau đây viết gọn là các Chi cục Thống kê) phối hợp kiểm tra chuyên sâu để làm sạch số liệu.

2. Tổng hợp kết quả điều tra

Kết quả Điều tra BDDS 2023 được tổng hợp phục vụ tính các chỉ tiêu về dân số và kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản, các chỉ tiêu về dân số.

B. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ

1. Rà soát địa bàn, cập nhật bảng kê hộ; cập nhật danh sách địa bàn, bảng kê hộ lên hệ thống máy chủ của Tổng cục Thống kê; chọn hộ điều tra; thiết lập mạng lưới điều tra.

1.1. Rà soát địa bàn điều tra (Đã thực hiện xong)

Căn cứ danh sách 120 ĐBĐT Tổng cục Thống kê chọn mẫu, các Chi cục Thống kê thực hiện rà soát ĐBĐT, đồng thời gửi bản giấy danh sách ĐBĐT sau khi đã rà soát có chữ ký, đóng dấu của Lãnh đạo Chi cục về Cục (qua Phòng Thu thập Thông tin thống kê) để tổng hợp chung, lưu trữ theo quy định.

1.2. Rà soát, cập nhật Bảng kê hộ (Đã thực hiện xong)

Căn cứ danh sách Bảng kê hộ của 120 ĐBĐT các Chi cục Thống kê thực hiện rà soát, cập nhật bảng kê hộ, đồng thời gửi bản giấy Bảng kê hộ của 120 ĐBĐT sau khi đã rà soát có chữ ký, đóng dấu của Lãnh đạo Chi cục về Cục (qua Phòng Thu thập Thông tin thống kê) để tổng hợp chung, lưu trữ theo quy định.

1.3. Cập nhật danh sách địa bàn và bảng kê hộ lên hệ thống máy chủ của Tổng cục Thống kê (Đã thực hiện xong)

Căn cứ danh sách ĐBĐT và Bảng kê hộ của 120 ĐBĐT các Chi cục gửi Phòng Thu thập Thông tin thống kê tổng hợp chung cập nhật danh sách ĐBĐT và bảng kê hộ lên hệ thống máy chủ của Tổng cục Thống kê.

1.4. Chọn hộ mẫu

Dựa trên Bảng kê hộ đã được cập nhật, Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Tổng cục Thống kê thực hiện chọn hộ mẫu điều tra dựa trên phần mềm chọn hộ mẫu tự động, phần mềm quản lý mạng lưới điều tra.

1.5. Thiết lập mạng lưới điều tra phiếu điện tử

Để thực hiện thu thập thông tin phiếu điện tử bằng máy tính bảng, điện thoại thông minh (CAPI), cần thiết lập mạng lưới điều tra để phân quyền (Danh sách người dùng), giao Phòng Thu thập Thông tin thống kê thực hiện phân quyền ĐTV và GSV, thời gian hoàn thành trước ngày 28/3/2023.

2. Chuẩn bị tài liệu, tuyển chọn điều tra viên, giám sát viên, tập huấn nghiệp vụ điều tra

2.1. Chuẩn bị tài liệu

Phòng Thu thập Thông tin thống kê căn cứ Phương án điều tra, nội dung nghiệp vụ đã được Trung ương hướng dẫn; tiếp nhận các tài liệu điều tra của Tổng cục gửi; lập tờ trình mua vật tư, văn phòng phẩm, in tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ điều tra phục vụ cho cuộc điều tra theo quy định trình Lãnh đạo cục duyệt (Đã thực hiện xong).

2.2. Tuyển chọn điều tra viên, giám sát viên

- Để đảm bảo yêu cầu chất lượng thông tin và ổn định lực lượng thu thập thông tin, yêu cầu ĐTV là những người có kinh nghiệm điều tra thống kê, có trình độ đào tạo từ trung học phổ thông trở lên, có và sử dụng thành thạo máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh để thực hiện điều tra thu thập thông tin sử dụng phiếu điện tử. Để đảm bảo những yêu cầu trên, Cục sử dụng lực lượng ĐTV là công chức ngành Thống kê và ĐTV không hưởng lương từ ngân sách Nhà nước có trình độ, kinh nghiệm và đã từng tham gia các cuộc điều tra thống kê;

Các Phòng thuộc Cơ quan Cục và các Chi cục Thống kê lập tờ trình số lượng, danh sách và việc sử dụng ĐTV gửi về Phòng Tổ chức - Hành chính thời gian thực hiện xong trước ngày 24/3/2023 (đối với tờ trình của các Phòng thuộc Cơ quan Cục có xác nhận của Lãnh đạo Cục phụ trách khối); giao Phòng Tổ chức - Hành chính trên cơ sở tờ trình của các Phòng thuộc Cơ quan Cục và các Chi cục Thống kê lập tờ trình số lượng, danh sách ĐTV, dự thảo Quyết định sử dụng ĐTV, trình Cục trưởng ban hành Quyết định sử dụng ĐTV Điều tra BĐDS 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, thời gian thực hiện xong trước ngày 30/3/2023.

- Giám sát viên là lực lượng thực hiện công việc giám sát các hoạt động của mạng lưới ĐTV và hỗ trợ chuyên môn cho ĐTV trong quá trình điều tra thực địa. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, các Chi cục Thống kê chủ động phân công GSV là Lãnh đạo và công chức các Chi cục Thống kê thực hiện nhiệm vụ giám sát cuộc điều tra đảm bảo yêu cầu Phương án điều tra quy định. Trường hợp các ĐTV đã được tập huấn nghiệp vụ điều tra không thể tham gia công tác điều tra hoặc thiếu cần bổ sung, Cục giao Trưởng phòng Thu thập Thông tin thống kê, Trưởng các Phòng thuộc Cơ quan Cục và Chi cục trưởng các Chi cục Thống kê cần bổ sung, thay thế ĐTV báo cáo Lãnh đạo Cục và được tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ điều tra cho ĐTV bổ sung, thay thế, lập danh sách ĐTV bổ sung, thay thế gửi về Cục (qua Phòng Tổ chức - Hành chính) ngay khi phát sinh để theo dõi, cập nhật và trình Cục trưởng phê duyệt bổ sung ĐTV theo quy định.

2.3. Tập huấn nghiệp vụ (Đã thực hiện xong)

Cục tổ chức trực tuyến Hội nghị tập huấn nghiệp vụ điều tra cho ĐTV, GSV cấp tỉnh và cấp huyện, thời gian trong 01 ngày (ngày 09/3/2022)

3. Một số công việc thực hiện trước khi tiến hành điều tra

- Phòng Thu thập Thông tin thống kê:
 - + Đăng tải Quyết định điều tra, Phương án Điều tra BĐDS 2023 lên trang Web của Cục;
 - + Dự thảo Công văn thông báo nội dung Điều tra BĐDS 2023 đến UBND các địa phương trình Lãnh đạo Cục phê duyệt (thời gian thực hiện xong trước ngày 27/3/2023).
- Phòng Tổ chức - Hành chính: Gửi các văn bản liên quan đến KSMS 2023 đến các Chi cục Thống kê và các đơn vị tham gia điều tra về thực hiện nhiệm vụ triển khai công tác điều tra: Kế hoạch điều tra; Kế hoạch kiểm tra, giám sát cuộc điều tra.

II. CÔNG TÁC ĐIỀU TRA, KIỂM TRA, GIÁM SÁT THU THẬP THÔNG TIN

1. Điều tra viên

- Tuyên truyền, giới thiệu mục đích, ý nghĩa của cuộc Điều tra BĐDS 2023 trong nhân dân và khi tiếp xúc với hộ;
- Thực hiện đúng phương pháp thu thập thông tin là phỏng vấn trực tiếp. Việc phỏng vấn, nhập thông tin vào phiếu điện tử phải tuân thủ đúng những quy định về nghiệp vụ và quy trình phỏng vấn, bảo đảm không điều tra trùng hoặc bỏ sót đối tượng điều tra, cũng như không ghi thừa hay bỏ sót một thông tin nào trên phiếu;

- Phòng vẫn đầy đủ 40 hộ được giao thuộc địa bàn phụ trách;
- Thực hiện điều tra theo đúng tiến độ quy định. ĐTV cần tuyệt đối tránh tư tưởng chủ quan, lướt nhanh, làm ẩu dẫn đến kết quả kém chính xác. Thực hiện đồng bộ dữ liệu, gửi kết quả điều tra phiếu điện tử lên máy chủ theo đúng quy định;

- Cuối mỗi ngày điều tra: Thực hiện kiểm tra lại các phiếu đã nhập thông tin, phát hiện các sai sót để sửa chữa kịp thời, nếu cần thiết phải quay lại hộ để xác minh và sửa chữa. Việc sửa chữa những sai sót phải theo đúng quy định;

- Trong thời gian thực thi nhiệm vụ của mình, ĐTV phải chấp hành nghiêm chỉnh sự điều hành của GSV các cấp. Có tinh thần tương trợ, giúp đỡ các ĐTV khác về nghiệp vụ cũng như về công việc;

2. Kiểm tra, giám sát

- Giao Phòng Thu thập Thông tin thống kê lập Kế hoạch kiểm tra, giám sát Điều tra BĐDS 2023 trình Ban Lãnh đạo Cục duyệt (theo Mẫu số 01, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 93/QĐ-CTK ngày 07/12/2022 của Cục trưởng Cục Thống kê Ninh Bình về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động thống kê năm 2023), thời gian hoàn thành xong trước ngày 27/3/2023;

- Các Phòng nghiệp vụ thuộc Cơ quan Cục và các Chi cục Thống kê căn cứ tình hình tại đơn vị để xây dựng Kế hoạch kiểm tra, giám sát Điều tra BĐDS 2023 phù hợp với nhiệm vụ được giao.

Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện từ ngày 01/4 đến 20/4/2022, tập trung vào quá trình điều tra tại địa bàn, kiểm tra và duyệt phiếu trên phần mềm giám sát, quy định như sau:

2.1. Đối với GSV cấp huyện

Thực hiện giám sát, kiểm tra và duyệt số liệu của các ĐTV được phân công phụ trách với các nhiệm vụ chính sau:

- Kiểm tra, đảm bảo ĐTV tiến hành thu thập thông tin đúng hộ, đúng địa bàn, phỏng vấn trực tiếp và đúng đối tượng điều tra, tiến độ điều tra;

- Kiểm tra chất lượng thông tin, thông báo cho ĐTV những thông tin trong phiếu cần kiểm tra, xác minh để hoàn thành phiếu;

- Duyệt toàn bộ các phiếu điều tra tại các địa bàn được phân công giám sát khi đã hoàn thành điều tra và hoàn thiện sửa lỗi;

- Thông báo cho ĐTV những vấn đề nghiệp vụ cần lưu ý hoặc trả lời những câu hỏi của ĐTV liên quan đến nghiệp vụ và kỹ thuật sử dụng thiết bị điện tử;

- Trao đổi với GSV cấp tỉnh về những vấn đề nghiệp vụ phát sinh hoặc những vấn đề kỹ thuật sử dụng thiết bị điện tử trong quá trình điều tra.

2.2. Đối với GSV cấp tỉnh

Thực hiện giám sát, kiểm tra và duyệt số liệu tại các ĐBĐT trong tỉnh được phân công phụ trách với các nhiệm vụ chính sau:

- Kiểm tra tiến độ thực hiện điều tra hàng ngày của ĐTV; tiến độ điều tra tại các ĐBĐT trong mỗi huyện được phân công phụ trách;

- Kiểm tra chất lượng thông tin trên phiếu điều tra khi chương trình kiểm tra báo lỗi và thông báo tới GSV cấp huyện về những thông tin trong phiếu cần kiểm tra, xác minh lại để hoàn thành phiếu; duyệt số liệu toàn bộ ĐBĐT được phân công giám sát.

- Thông báo cho GSV cấp huyện những vấn đề nghiệp vụ cần lưu ý; trả lời những câu hỏi của GSV cấp huyện liên quan đến nghiệp vụ và kỹ thuật sử dụng thiết bị điện tử;

- Trao đổi với GSV cấp trung ương về những vấn đề nghiệp vụ phát sinh hoặc những vấn đề kỹ thuật sử dụng thiết bị điện tử trong quá trình điều tra.

3. Giao nhận phiếu điều tra và các tài liệu

Việc nhận kết quả điều tra được thực hiện theo hình thức cập nhật liên tục từ ngày 01/4 đến 20/4/2023. Dữ liệu điều tra bằng CAPI được ĐTV đồng bộ hàng ngày về hệ thống máy chủ thông qua đường truyền dữ liệu trực tuyến. Tại đây, GSV các cấp thực hiện việc kiểm tra số liệu và nghiệm thu số liệu trực tuyến.

III. LỰC LƯỢNG THAM GIA CUỘC ĐIỀU TRA

1. Chỉ đạo chung: Ban Lãnh đạo Cục

2. Giám sát viên

- Giám sát viên cấp tỉnh: Lãnh đạo và công chức các Phòng Thu thập Thông tin thống kê; Thống kê Xã hội; Thống kê Kinh tế và Thống kê Tổng hợp;

- Giám sát viên cấp huyện: Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Cục giao Chỉ cục trưởng các Chi cục Thống kê chủ động xây dựng kế hoạch giám sát và phân công GSV cấp huyện đảm bảo đáp ứng yêu cầu Phương án điều tra quy định.

3. Điều tra viên

- Công chức trong ngành Thống kê;
- Điều tra viên không hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, có đủ điều kiện thực hiện công tác điều tra.

IV. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO

1. Các Chi cục Thống kê

Phản ánh kịp thời những khó khăn, vướng mắc, những điểm chưa thống nhất trong quá trình điều tra bằng điện thoại hoặc thư điện tử về Phòng Thu thập Thông tin thống kê để tổng hợp chung, báo cáo, tham mưu chỉ đạo thực hiện.

2. Phòng Thu thập Thông tin thống kê

- Phối hợp với Phòng Thống kê Xã hội thực hiện công tác nghiệm thu, kiểm tra, làm sạch dữ liệu điều tra, tổng hợp kết quả điều tra. Báo cáo tình hình tổ chức, triển khai thực hiện cuộc điều tra trên địa bàn tỉnh về Tổng cục Thống kê theo quy định;

- Gửi dữ liệu điều tra về Tổng cục Thống kê theo Kế hoạch công tác Tổng cục Thống kê giao.

3. Phòng Thống kê Xã hội

Chủ trì thực hiện công tác nghiệm thu, kiểm tra, làm sạch dữ liệu điều tra, tổng hợp kết quả điều tra trên địa bàn toàn tỉnh. Thực hiện báo cáo phân tích kết quả điều tra theo Kế hoạch công tác Tổng cục Thống kê giao.

4. Phòng Thống kê Kinh tế, Phòng Thống kê Tổng hợp

Phối hợp với Phòng Thống kê Xã hội thực hiện công tác nghiệm thu, kiểm tra, làm sạch, hoàn thiện dữ liệu điều tra.

V. KINH PHÍ ĐIỀU TRA

Kinh phí Điều tra BĐDS 2023 do Ngân sách Nhà nước bảo đảm cho các hoạt động quy định trong Phương án này. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia; Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 Bộ Tài chính ban hành về Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và các quy định có liên quan. Toàn bộ kinh phí điều tra sẽ được thanh toán đúng khối lượng công việc thực tế phát sinh theo quy định của Phương án điều tra và theo dự toán kinh phí Cục trưởng đã phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Cục TTDL và Ứng dụng CNTT;
- Lãnh đạo Cục;
- Các Phòng thuộc cơ quan Cục;
- Chi cục TK các huyện, khu vực;
- Kế toán Cục;
- Lưu: VT, TTTTK.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Lê Thanh Tùng

Phụ lục
DANH SÁCH ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA BIẾN ĐỘNG DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH THỜI ĐIỂM 01/4/2023
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-CTK, ngày tháng năm 2023 của Cục Thống kê Ninh Bình)

IDDB_TDT	MÃ TỈNH	MÃ HUYỆN	MÃ XÃ	MÃ ĐỊA BÀN	TTN T	TÊN TỈNH	TÊN HUYỆN	TÊN XÃ	TÊN ĐỊA BÀN	TÊN THÔN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
3736914320007	37	369	14320	007	1	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	Phường Đông Thành	Phố 6	Phố 6
3736914320012	37	369	14320	012	1	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	Phường Đông Thành	Phố 10B	Phố 10
3736914323009	37	369	14323	009	1	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	Phường Tân Thành	Trung Nhì B	Trung Nhì
3736914326003	37	369	14326	003	1	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	Phường Thanh Bình	Tây Sơn 2	Tây Sơn 2
3736914326010	37	369	14326	010	1	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	Phường Thanh Bình	Trung Sơn	Trung Sơn
3736914329005	37	369	14329	005	1	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	Phường Vân Giang	Phố 5	Phố 5
3736914332007	37	369	14332	007	1	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	Phường Bích Đào	Đông Xuân A	Đông Xuân
3736914335001	37	369	14335	001	1	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	Phường Phúc Thành	Phúc Trung	Phúc Trung
3736914335006	37	369	14335	006	1	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	Phường Phúc Thành	Phúc Thịnh B (Đông)	Phúc Thịnh
3736914335017	37	369	14335	017	1	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	Phường Phúc Thành	Phúc Thắng	Phúc Thắng
3736914338010	37	369	14338	010	1	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	Phường Nam Bình	Đồng Phong	Đồng Phong
3736914338015	37	369	14338	015	1	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	Phường Nam Bình	Đại Phong A	Đại Phong
3736914341007	37	369	14341	007	1	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	Phường Nam Thành	Phúc Chính 2B	Phúc Chính 2
3736914344003	37	369	14344	003	1	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	Phường Ninh Khánh	Bình Hòa B	Bình Hòa
3736914344009	37	369	14344	009	1	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	Phường Ninh Khánh	Khánh Bình A	Khánh Bình
3736914344019	37	369	14344	019	1	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	Phường Ninh Khánh	Hợp Thành	Hợp Thành
3736914347001	37	369	14347	001	2	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	Xã Ninh Nhất	Nguyên Ngoại	Nguyên Ngoại
3736914350002	37	369	14350	002	2	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	Xã Ninh Tiến	Phúc Sơn 1B	Phúc Sơn 1
3736914353010	37	369	14353	010	2	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	Xã Ninh Phúc	Đoài Thượng A	Đoài Thượng
3736914356009	37	369	14356	009	1	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	Phường Ninh Sơn	Hương Phúc	Hương Phúc
3736914356014	37	369	14356	014	1	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	Phường Ninh Sơn	Thiện Tân B	Thiện Tân
3736914359006	37	369	14359	006	1	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	Phường Ninh Phong	Nam Phong	Nam Phong
3737014362005	37	370	14362	005	1	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Tam Điệp	Phường Bắc Sơn	Tổ dân phố 4B	Tổ dân phố 4
3737014362012	37	370	14362	012	1	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Tam Điệp	Phường Bắc Sơn	Tổ dân phố 10A	Tổ dân phố 10A
3737014365001	37	370	14365	001	1	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Tam Điệp	Phường Trung Sơn	Tổ dân phố 1	Tổ dân phố 1
3737014365016	37	370	14365	016	1	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Tam Điệp	Phường Trung Sơn	Tổ dân phố 18	Tổ dân phố 18
3737014368001	37	370	14368	001	1	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Tam Điệp	Phường Nam Sơn	Tổ dân phố 2	Tổ dân phố 2
3737014368018	37	370	14368	018	1	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Tam Điệp	Phường Nam Sơn	Tổ dân phố 20A	Tổ dân phố 20

IDDB_TDT	MÃ TỈNH	MÃ HUYỆN	MÃ XÃ	MÃ ĐỊA BÀN	TTN T	TÊN TỈNH	TÊN HUYỆN	TÊN XÃ	TÊN ĐỊA BÀN	TÊN THÔN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
3737014374001	37	370	14374	001	1	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Tam Điệp	Phường Yên Bình	Tổ dân phố Ghềnh	Tổ dân phố Ghềnh
3737014375006	37	370	14375	006	1	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Tam Điệp	Phường Tân Bình	Tổ dân phố 6	Tổ dân phố 6
3737014377005	37	370	14377	005	2	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Tam Điệp	Xã Quang Sơn	Thôn Bãi Sỏi	Thôn Bãi Sỏi
3737014380009	37	370	14380	009	2	Tỉnh Ninh Bình	Thành phố Tam Điệp	Xã Đông Sơn	Thôn 4C	Thôn 4C
3737214383001	37	372	14383	001	1	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Nho Quan	Thị trấn Nho Quan	Tiên Lạo	Tiên Lạo
3737214383016	37	372	14383	016	1	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Nho Quan	Thị trấn Nho Quan	Đồng Tâm A	Đồng Tâm
3737214386017	37	372	14386	017	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Nho Quan	Xã Xích Thổ	Trung Chính B	Trung Chính
3737214392004	37	372	14392	004	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Nho Quan	Xã Gia Sơn	Quang Trường	Quang Trường
3737214398001	37	372	14398	001	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Nho Quan	Xã Gia Thủy	Mỹ Thượng	Mỹ Thượng
3737214401007	37	372	14401	007	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Nho Quan	Xã Gia Tường	Công Luận A	Công Luận
3737214410003	37	372	14410	003	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Nho Quan	Xã Đức Long	Cổ Định	Cổ Định
3737214416008	37	372	14416	008	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Nho Quan	Xã Đồng Phong	Phong lai 2	Phong lai 2
3737214419014	37	372	14419	014	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Nho Quan	Xã Yên Quang	Yên Thái	Yên Thái
3737214428004	37	372	14428	004	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Nho Quan	Xã Văn Phong	Ngải B	Ngải
3737214434003	37	372	14434	003	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Nho Quan	Xã Thanh Lạc	Thôn Làng	Thôn Làng
3737214443001	37	372	14443	001	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Nho Quan	Xã Văn Phú	Thành Bắc	Thành Bắc
3737214446013	37	372	14446	013	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Nho Quan	Xã Phú Lộc	Đồi Lại	Đồi Lại
3737214452004	37	372	14452	004	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Nho Quan	Xã Quỳnh Lưu	Đồi Thờ	Đồi Thờ
3737214455009	37	372	14455	009	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Nho Quan	Xã Sơn Hà	Đồng Tâm 2	Đồng Tâm 2
3737214461002	37	372	14461	002	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Nho Quan	Xã Quảng Lạc	Quảng Thành B	Quảng Thành
3737314464009	37	373	14464	009	1	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Gia Viễn	Thị trấn Me	Phố Mới A	Phố Mới
3737314467015	37	373	14467	015	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Gia Viễn	Xã Gia Hòa	Đá Hàn	Đá Hàn
3737314470013	37	373	14470	013	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Gia Viễn	Xã Gia Hưng	Xóm 12	Xóm 12
3737314476014	37	373	14476	014	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Gia Viễn	Xã Gia Thanh	Xóm 2 Thượng Hòa B	Xóm 2 Thượng Hòa
3737314482007	37	373	14482	007	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Gia Viễn	Xã Gia Phú	Thôn Thượng	Thôn Thượng
3737314488003	37	373	14488	003	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Gia Viễn	Xã Gia Lập	Thôn Tây Lãng Nội	Thôn Tây Lãng Nội
3737314494003	37	373	14494	003	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Gia Viễn	Xã Gia Trấn	Thôn 1 C	Thôn 1
3737314497009	37	373	14497	009	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Gia Viễn	Xã Gia Thịnh	Thôn 7 Liên Huy	Thôn 7 Liên Huy
3737314503003	37	373	14503	003	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Gia Viễn	Xã Gia Tân	Xóm Đông Thượng B	Xóm Đông Thượng
3737314509002	37	373	14509	002	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Gia Viễn	Xã Gia Trung	Đức Hậu	Đức Hậu
3737314509016	37	373	14509	016	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Gia Viễn	Xã Gia Trung	Nam Điền khô B	Nam Điền khô
3737314518007	37	373	14518	007	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Gia Viễn	Xã Gia Tiến	Thôn Xuân lai B	Thôn Xuân lai
3737314521015	37	373	14521	015	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Gia Viễn	Xã Gia Sinh	Xóm 9B	Xóm 9

IDDB_TDT	MÃ TỈNH	MÃ HUYỆN	MÃ XÃ	MÃ ĐỊA BÀN	TTN T	TÊN TỈNH	TÊN HUYỆN	TÊN XÃ	TÊN ĐỊA BÀN	TÊN THÔN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
3737414527003	37	374	14527	003	1	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Hoa Lư	Thị trấn Thiên Tôn	Phố Thiên Sơn	Phố Thiên Sơn
3737414530012	37	374	14530	012	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Hoa Lư	Xã Ninh Giang	Xóm 1 La Mai B	Xóm 1 La Mai
3737414533027	37	374	14533	027	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Hoa Lư	Xã Trường Yên	Thôn Tây	Thôn Tây
3737414536010	37	374	14536	010	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Hoa Lư	Xã Ninh Khang	Phấn Trung A	Phấn Trung
3737414542004	37	374	14542	004	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Hoa Lư	Xã Ninh Hòa	Ngô Thượng B	Ngô Thượng
3737414545006	37	374	14545	006	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Hoa Lư	Xã Ninh Xuân	Thôn Ngoại B	Thôn Ngoại
3737414551004	37	374	14551	004	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Hoa Lư	Xã Ninh Thắng	Hành Cung A	Hành Cung
3737414554010	37	374	14554	010	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Hoa Lư	Xã Ninh Vân	Vũ xá B	Vũ xá
3737414557011	37	374	14557	011	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Hoa Lư	Xã Ninh An	Xóm Giữa	Xóm Giữa
3737514560006	37	375	14560	006	1	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Khánh	Thị trấn Yên Ninh	Phố 3	Phố 3
3737514560019	37	375	14560	019	1	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Khánh	Thị trấn Yên Ninh	Phố 4	Phố 4
3737514560025	37	375	14560	025	1	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Khánh	Thị trấn Yên Ninh	Phố Khu Trung	Phố Khu Trung
3737514566009	37	375	14566	009	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Khánh	Xã Khánh Phú	Thôn Phú Long	Thôn Phú Long
3737514569011	37	375	14569	011	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Khánh	Xã Khánh Hòa	Xóm Nội	Xóm Nội
3737514575005	37	375	14575	005	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Khánh	Xã Khánh An	Thôn Miếu II	Thôn Miếu II
3737514578007	37	375	14578	007	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Khánh	Xã Khánh Cường	Xóm 7 Nam Cường	Xóm 7 Nam Cường
3737514581011	37	375	14581	011	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Khánh	Xã Khánh Cư	Thông 2	Thông 2
3737514587009	37	375	14587	009	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Khánh	Xã Khánh Hải	Đông B - Nhuận Hải	Đông B - Nhuận Hải
3737514590007	37	375	14590	007	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Khánh	Xã Khánh Trung	Thôn 07	Thôn 07
3737514593006	37	375	14593	006	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Khánh	Xã Khánh Mậu	Xóm 6	Xóm 6
3737514596005	37	375	14596	005	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Khánh	Xã Khánh Vân	Xóm 5 Vân Tiến	Xóm 5 Vân Tiến
3737514599014	37	375	14599	014	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Khánh	Xã Khánh Hội	Xóm Chạ Đông	Xóm Chạ Đông
3737514602015	37	375	14602	015	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Khánh	Xã Khánh Công	Xóm 15	Xóm 15
3737514611006	37	375	14611	006	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Khánh	Xã Khánh Nhạc	Xóm Chùa A	Xóm Chùa
3737514614002	37	375	14614	002	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Khánh	Xã Khánh Thủy	Xóm 2	Xóm 2
3737514617003	37	375	14617	003	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Khánh	Xã Khánh Hồng	Xóm 3	Xóm 3
3737614620009	37	376	14620	009	1	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Kim Sơn	Thị Trấn Phát Diệm	Phát Diệm Đông	Phát Diệm Đông
3737614623006	37	376	14623	006	1	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Kim Sơn	Thị trấn Bình Minh	Khối 6	Khối 6
3737614629002	37	376	14629	002	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Kim Sơn	Xã Hồi Ninh	Xóm 2	Xóm 2
3737614632005	37	376	14632	005	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Kim Sơn	Xã Chính Tâm	Lưu Thanh	Lưu Thanh
3737614638008	37	376	14638	008	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Kim Sơn	Xã Ân Hòa	Xóm 8	Xóm 8
3737614644004	37	376	14650	010	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Kim Sơn	Xã Như Hòa	Xóm 10	Xóm 10
3737614647012	37	376	14647	012	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Kim Sơn	Xã Quang Thiện	Xóm 12	Xóm 12

IDDB_TDT	MÃ TỈNH	MÃ HUYỆN	MÃ XÃ	MÃ ĐỊA BÀN	TTN T	TÊN TỈNH	TÊN HUYỆN	TÊN XÃ	TÊN ĐỊA BÀN	TÊN THÔN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
3737614653006	37	376	14653	006	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Kim Sơn	Xã Chất Bình	Xóm 6	Xóm 6
3737614656009	37	376	14656	009	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Kim Sơn	Xã Đồng Hướng	Xóm 9	Xóm 9
3737614659011	37	376	14659	011	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Kim Sơn	Xã Kim Chính	Xóm 8A	Xóm 8
3737614662011	37	376	14662	011	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Kim Sơn	Xã Thượng Kiệm	Xóm 7	Xóm 7
3737614668003	37	376	14668	003	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Kim Sơn	Xã Tân Thành	Xóm 3	Xóm 3
3737614671013	37	376	14671	013	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Kim Sơn	Xã Yên Lộc	Xóm 12	Xóm 12
3737614674012	37	376	14674	012	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Kim Sơn	Xã Lai Thành	Xóm 9 A	Xóm 9 A
3737614677009	37	376	14677	009	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Kim Sơn	Xã Định Hóa	Xóm 9	Xóm 9
3737614680011	37	376	14680	011	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Kim Sơn	Xã Văn Hải	An Cư	An Cư
3737614686005	37	376	14686	005	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Kim Sơn	Xã Kim Mỹ	Xóm 3B	Xóm 3
3737614689005	37	376	14689	005	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Kim Sơn	Xã Cồn Thoi	Xóm 4	Xóm 4
3737614692003	37	376	14692	003	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Kim Sơn	Xã Kim Hải	Xóm 3A	Xóm 3
3737614698002	37	376	14698	002	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Kim Sơn	Xã Kim Đông	Xóm 2	Xóm 2
3737714701003	37	377	14701	003	1	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Mô	Thị trấn Yên Thịnh	Trung Yên B	Trung Yên
3737714701016	37	377	14701	016	1	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Mô	Thị trấn Yên Thịnh	Cổ Đà A	Cổ Đà
3737714704015	37	377	14704	015	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Mô	Xã Khánh Thượng	Xóm 1 Lam Sơn	Xóm 1 Lam Sơn
3737714710011	37	377	14710	011	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Mô	Xã Mai Sơn	Xóm 7 B	Xóm 7
3737714719012	37	377	14719	012	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Mô	Xã Yên Phong	Cộng Hòa	Cộng Hòa
3737714722010	37	377	14722	010	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Mô	Xã Yên Hòa	Hải Nạp B	Hải Nạp
3737714725019	37	377	14725	019	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Mô	Xã Yên Thắng	Bình Hào	Bình Hào
3737714728013	37	377	14728	013	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Mô	Xã Yên Từ	Xóm Chùa	Xóm Chùa
3737714734014	37	377	14734	014	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Mô	Xã Yên Thành	Thôn 92 + Yên Hóa	Thôn 92+Yên Hóa
3737714737013	37	377	14737	013	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Mô	Xã Yên Nhân	Xóm Tây	Xóm Tây
3737714743001	37	377	14743	001	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Mô	Xã Yên Mạc	Xóm 4 Đông Sơn A	Xóm 4 Đông Sơn
3737714746009	37	377	14746	009	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Mô	Xã Yên Đồng	Khê Trung	Khê Trung
3737714749007	37	377	14749	007	2	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Mô	Xã Yên Thái	Xóm 2 Đông Thôn	Xóm 2 Đông Thôn